|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỤC TRỒNG TRỌT VÀ****BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 15/BC7N-TTBVTV |  |

**BÁO CÁO
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

 *(Từ ngày 04 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025)*

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG**

**1. Tình hình thời tiết trong tuần:** Theo dữ liệu Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia.

***1.1. Các tỉnh Bắc bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 22,4 0C; Cao nhất: 24,1 0C; Thấp nhất: 13,9 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 82,5 %; Cao nhất: 93,1 %; Thấp nhất: 60,0%.

*- Nhận xét:* Trong kỳ, đêm và sáng có sương mù, ban ngày trời nắng nhẹ, xen kẽ có mưa rải rác. Cục bộ tại một số khu vực vùng núi có mưa rào.

*- Dự báo trong tuần tới*:

+ Trung du miền núi phía Bắc: Ngày 11/4 và từ ngày 14 đến ngày 17/4, khu vực có mưa nhỏ vài nơi, trưa và chiều trời giảm mây, hửng nắng; riêng khu vực Tây Bắc ngày nắng, có nơi nắng nóng. Riêng từ ngày 12 đến sáng ngày 13/4, khu vực có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có nơi mưa vừa, mưa to.

+ Đồng bằng sông Hồng: Ngày 11/4 và từ ngày 13 đến ngày 17/4, thời tiết phổ biến có mưa vài nơi, sáng sớm có sương mù và sương mù nhẹ rải rác; trưa và chiều trời nắng. Riêng ngày 12/4, khu vực có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có nơi có mưa vừa, mưa to.

***1.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 22,0 0C; Cao nhất: 24,1 0C; Thấp nhất: 15,8 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 91,4 %; Cao nhất: 96,3 %; Thấp nhất: 75,6 %.

*- Nhận xét:* Từ ngày 06 đến ngày 10/4, sáng sớm có sương mù và sương mù nhẹ rải rác; trưa chiều giảm mây trời nắng. Gió nhẹ. Sáng sớm và đêm trời rét; thời tiết có mưa, mưa rào và dông rải rác.

*- Dự báo trong tuần tới:* Ngày 11/4 và từ ngày 14 đến ngày 17/4, phía Bắc khu vực (Thanh Hóa, Nghệ An) có mưa rào và dông vài nơi, trưa và chiều giảm mây, trời hửng nắng; riêng khu vực vùng núi phía Tây có nơi xảy ra nắng nóng. Trong thời kỳ từ ngày 12 đến ngày 13/4, khu vực có mưa rào và dông rải rác; cục bộ có nơi xảy ra mưa vừa, mưa to.

***1.3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

*a) Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB):*

Nhiệt độ: Trung bình: 26,3 0C; Cao nhất: 25,9 0C; Thấp nhất: 22,1 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 78,2 %; Cao nhất: 82,8 %; Thấp nhất: 73,4 %.

*b) Tây Nguyên:*

Nhiệt độ: Trung bình: 22,9 0C; Cao nhất: 27,8 0C; Thấp nhất: 12,8 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 76,8 %; Cao nhất: 83,6 %; Thấp nhất: 66,0 %.

*- Nhận xét:* Kỳ qua, khu vực Đồng Bằng và Tây Nguyên phổ biến ngày nắng, đêm và sáng sớm có sương mù, có mưa rải rác vài nơi. Nhìn chung, thời tiết thuận lợi cho việc thu hoạch lúa Đông Xuân sớm. Các loại cây trồng chính như lúa, rau màu và một số cây trồng khác sinh trưởng phát triển bình thường.

*- Dự báo trong tuần tới:*

+ Duyên Hải Nam Trung Bộ: Thời kỳ từ ngày 11 đến ngày 17/4, thời tiết tại khu vực phổ biến ngày nắng, chiều tối có mưa rào và dông vài nơi. Riêng ngày 12/4, các tỉnh phía Bắc khu vực (Đà Nẵng, Quảng Nam) có mưa rào và dông rải rác; cục bộ có nơi xảy ra mưa vừa, mưa to.

+ Tây Nguyên: Thời kỳ từ ngày 11 đến ngày 17/4, khu vực phổ biến ngày nắng, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi.

***1.4. Các tỉnh Nam bộ***

Nhiệt độ: Trung bình: 29,0 0C; Cao nhất: 26,8 0C; Thấp nhất: 23,8 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 72,6 %; Cao nhất: 80,0 %; Thấp nhất: 61,8 %.

*- Nhận xét:* Trong kỳ, thời tiết chủ yếu có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng.

*- Dự báo trong tuần tới:* Thời kỳ từ ngày 11 đến ngày 17/4, khu vực phổ biến ngày nắng, có nơi xuất hiện nắng nóng; chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi. Riêng trong các ngày 14 và 15/4, chiều tối và tối có mưa rào rải rác, một số nơi có dông.

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

***2.1. Các tỉnh Bắc bộ***

*a) Cây lúa*

Lúa vụ Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã gieo, cấy **696.057 ha/ 705.000 ha**, đạt 99 % so với kế hoạch. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Trà sớm | Làm đòng | 57.705 |
| Trà chính vụ | Cuối đẻ nhánh - Phân hóa đòng | 230.149 |
| Trà muộn | Đẻ nhánh - Cuối đẻ nhánh | 408.203 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **696.057/ 705.000** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô xuân | Xoáy nõn – Trỗ cờ | 159.579 |
| - Cây rau xuân | PTTL – Thu hoạch | 84.962 |
| - Khoai tây xuân | Phát triển củ | 4.516 |
| - Cây cà chua | Phát triển quả - Thu hoạch | 702 |
| - Cây lạc xuân | Đâm tia – Ra hoa | 29.970 |
| - Cây hoa | PTTL - Nụ, hoa | 2.558 |
| - Cây ăn quả |   |   |
| + Cây cam, quýt | Đậu quả | 40.923 |
| + Cây xoài | Phát triển quả | 19.521 |
| + Cây bưởi | Phát triển quả | 36.363 |
| + Cây nhãn | Nụ - Hoa | 37.750 |
| + Cây vải | Nụ - Hoa | 47.643 |
| - Cây công nghiệp |   |   |
| + Cây chè | Phát triển búp – Thu hái | 85.704 |
| + Cây cà phê | Phát triển quả - Thu hoạch | 20.468 |
| - Cây lâm nghiệp |   |   |
| + Cây thông | Khai thác nhựa | 366.658 |
| + Cây quế | Kinh doanh | 150.068 |
| + Cây hồi | Kinh doanh | 44.000 |
| + Cây bạch đàn | Phát triển – Kinh doanh | 17.056 |
| + Cây tre, luồng vầu | Kinh doanh | 4.137 |

***2.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

*a) Cây lúa*

 Lúa vụ Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã gieo, cấy **345.434 ha/ 345.000 ha**, đạt 100,13 % so với kế hoạch. Hiện nay đã có 5.852 ha lúa đã trỗ (chiếm 2% diện tích gieo trồng). Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| Trà sớm | Làm đòng - Trỗ bông | 32.110 |
| Trà chính vụ | Đứng cái - Làm đòng | 260.601 |
| Trà muộn | Đẻ nhánh - Đứng cái | 52.723 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **345.434/ 345.000** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô | 7 lá – Xoáy nõn – Trỗ cờ | 42.363 |
| - Cây lạc  | Ra hoa – Đâm tia | 25.130 |
| - Cây rau  | Cây con - PT thân lá – Thu hoạch | 37.238 |
| - Khoai lang | Phát triển thân lá | 5.089 |
| - Cây sắn | Thu hoạch - Mới trồng – PT thân lá | 38.695 |
| - Cây mía | Thu hoạch – Trồng mới, mọc mầm | 33.926 |
| - Cây cam, chanh | KTCB- Lộc xuân - Ra hoa | 23.946 |
| - Cây cà phê | Ra hoa – Đậu quả | 3.707 |
| - Cây cao su | Ra lá mới | 67.423 |
| - Cây hồ tiêu | Phát triển quả | 3.488 |
| - Cây chè | KTCB – KD | 13.299 |
| - Cây thông | KTCB-KD | 94.627 |
| - Cây keo, bạch đàn | KTCB – KD | 489.142 |
| - Cây luồng | KTCB – KD | 82.333 |

***2.3. Các tỉnh DHNTB và Tây Nguyên***

*a) Cây lúa:*

- Lúa Đông Xuân 2024-2025: Diện tích **328.385 ha/ 322.550 ha**, đạt 102 % so với kế hoạch. Đến ngày 10/4/2025, đã thu hoạch 21.901 ha, chiếm 12,4% diện tích. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Trà** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích gieo trồng (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Đồng bằng | Sớm | Chín - Thu hoạch | 14.345 | 27.261 |
| Chính vụ | Ngậm sữa - Chắc xanh | 142.906 |   |
| Muộn | Trỗ - Ngậm sữa | 47.748 |   |
| Tây Nguyên | Sớm | Chắc xanh - Thu hoạch | 10.057 | 13.514 |
| Chính vụ | Trỗ - Ngậm sữa | 40.369 |   |
| Muộn | Đứng cái - Đòng trỗ | 32.185 |   |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **328.385/ 322.550** |

- Lúa Hè Thu sớm 2025: Diện tích đã gieo cấy **3.346 ha**, phổ biến giai đoạn xuống giống – mạ, tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Định, Lâm Đồng,….

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| - Ngô  | Xoáy nõn - Thâm râu - Thu hoạch | 30.961 |
| - Đậu  | Nuôi quả - Thu hoạch | 12.728 |
| - Lạc  | Nuôi quả - Thu hoạch | 22.778 |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn | 52.910 |
| - Sắn  |   | ***141.399*** |
| Đồng Bằng | ĐX 2023 - 2024 | Thu hoạch xong | 0 |
| Hè Thu 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 24.214 |
| Vụ Mùa 2024 | PTTL - Nuôi củ | 1.286 |
| ĐX 2024 - 2025 | Cây con – PTTL | 34.960 |
| Tây Nguyên | ĐX 2023 - 2024 | Thu hoạch xong | 0 |
| Hè Thu 2024 | Nuôi củ - Thu hoạch | 65.770 |
| Vụ Mùa 2024 | PTTL - Nuôi củ - TH | 2.471 |
| ĐX 2024 - 2025 | Cây con – PTTL | 12.698 |
| - Cây ăn quả: |   |   |
| + Thanh long  | Chăm sóc - Thu hoạch | 26.550 |
| + Sầu riêng  |  Ra hoa - Đậu quả | 81.372 |
| + Nho  | Nhiều giai đoạn | 881 |
| + Táo  | Nhiều giai đoạn | 1.122 |
| + Dừa  | Nhiều giai đoạn | 15.934 |
| + Cây có múi | Các giai đoạn | 9.573 |
| - Cây công nghiệp |   |   |
| + Chè  | Chăm sóc - Thu hoạch | 9.908 |
| + Mía  | Nhiều giai đoạn | 110.943 |
| + Cà phê | Quả non | 674.185 |
| + Tiêu | Chín - Thu hoạch | 73.617 |
| + Điều | Ra hoa - Nuôi quả | 137.186 |
| + Cao su | Nhiều giai đoạn | 275.423 |

***2.4. Các tỉnh Nam bộ***

*a) Cây lúa*

- Lúa Đông Xuân 2024-2025: Diện tích đã xuống giống **1.585.061 ha/ 1.569.000 ha**, đạt 101% so với kế hoạch. Đến ngày 10/4/2025, đã thu hoạch 1.400.875 ha, chiếm 88% diện tích gieo trồng. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 0 |   |
| Đẻ nhánh | 0 |   |
| Đòng - trỗ | 17.267 |   |
| Chín | 166.919 |   |
| Thu hoạch |   | 1.400.875 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **1.585.061/ 1.569.000** |

- Lúa Hè Thu 2025: Diện tích đã xuống giống **570.858 ha/ 1.561.800 ha**, đạt37%sovới kế hoạch.Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 226.462 |  |
| Đẻ nhánh | 183.320 |  |
| Đòng - trỗ | 96.923 |  |
| Chín | 63656 |  |
| Thu hoạch |   | 497 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | **570.858/ 1.561.800** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn  | 53.274 |
| - Cây ăn quả |   |   |
| + Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 176.514 |
| + Cây có múi | Nhiều giai đoạn | 126.910 |
| + Cây xoài | Nuôi quả | 61.870 |
| + Cây chuối | Nhiều giai đoạn | 62.695 |
| + Cây mít | PTTL, Nuôi quả, TH | 65.990 |
| + Cây sầu riêng | Sinh trưởng, TH - chăm sóc | 77.752 |
| + Cây nhãn | Chăm sóc, PTTL | 26.894 |
| + Cây thanh long | Chăm sóc, PTTL | 18.810 |
| + Cây chôm chôm | Chăm sóc, PTTL | 18.404 |
| - Cây công nghiệp |   |  |
| + Cao su | Thay lá, ra lá non | 515.532 |
| + Điều | Nuôi trái, thu hoạch | 183.763 |
| + Sắn (Khoai mì) | PTTL, PT củ, thu hoạch | 66.060 |
| + Tiêu | Thu hoạch | 32.048 |
| + Cà phê | Ra hoa, nuôi quả | 22.393 |
| + Cây ngô (Bắp) | Nhiều giai đoạn | 13.933 |
| + Cây mía | Mới trồng, PTTL, đẻ nhánh | 14.551 |

*c) Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng trong vụ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vụ | Diện tích bị thiệt hại và khắc phục (ha) | Nguyên nhân |
| Giảm NS 30-70% | Mất trắng (>70%) | Đã gieo cấy, dặm lại | Khô hạn, nhiễm mặn (ha) | Ngập úng, đổ ngã |
| Đông Xuân 2024-2025 | 182,6 | 38 | 5 | 0 | 220,6 (KG, ST) |
| **Tổng** | **182,6** | **38** | **5** | **0** | **220,6**  |

Trong vụ Đông Xuân 2024-2025, tổng cộng có **220,6 ha** lúa bị thiệt hại do ngập úng và đổ ngã, trong đó: *182,6 ha lúa bị thiệt hại 30-70%; 38 ha thiệt hại >70%* tại tỉnh Sóc Trăng và Kiên Giang.

**II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU**

**1. Cây lúa**

***1.1. Bệnh đạo ôn***

*- Bệnh đạo ôn lá*: Diện tích nhiễm 6.171 ha (tăng 8 ha so với kỳ trước, giảm 1.895 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 78 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 7.098 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Phú Thọ, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Gia lai, Quảng Ngãi, Phú Yên, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Nai, Tiền Giang, An Giang …;

- *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 1.313 ha (giảm 5.760 ha so với kỳ trước, giảm 1.701 ha so với CKNT); nhiễm nặng 02 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 639 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh: Khánh Hòa, Gia Lai, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định, Sóc Trăng, Long An, Bạc Liêu, Trà Vinh, Đồng Nai, Bến Tre…;

***1.2. Sâu cuốn lá nhỏ*:** Diện tích nhiễm 936 ha (giảm 42 ha so với kỳ trước, giảm 1.789 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 244 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Gia Lai, Lâm Đồng, Quảng Ngãi,Tiền Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang, Đồng Nai …;

***1.3. Rầy hại lúa*:** Diện tích nhiễm 1.725 ha (giảm 1.532 ha so với kỳ trước, giảm 2.587 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 22 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 753 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Phú Yên, Gia Lai, Bình Định, Quảng Nam, Đắk Lắk, Đà Nẵng, Tiền Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu…;

***1.4. Sâu đục thân 2 chấm*:** Diện tích nhiễm 1.195 ha (giảm 227 ha so với kỳ trước, tăng 758 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 02 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 631 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Vĩnh Phúc, Yên Bái, Nghệ An, Khánh Hòa, Gia Lai, Bình Thuận, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Bà Rịa Vũng Tàu, Long An,.;

***1.5. Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 3.585 ha (giảm 1.269 ha so với kỳ trước, tăng 1.992 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 04 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.132 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Lào Cai, Thái Nguyên,Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Bạc Liêu, Long An, Sóc Trăng, Trà Vinh, Đồng Nai, Đồng Tháp, Bà Rịa Vũng Tàu…;

***1.6***. ***Bệnh đen lép hạt***: Diện tích nhiễm 4.482 ha (giảm 5.537 ha so với kỳ trước, giảm 1.060 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 82 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.933 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Quảng Nam, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Trà Vinh, Đồng Nai…;

***1.7. Ốc bươu vàng:*** Diện tích nhiễm 6.855 ha (tăng 1.536 ha so với kỳ trước, tăng 1.202 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 03 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.179 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Yên Bái, Sơn La, Vĩnh Long, Hậu Giang, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, …;

***1.8. Chuột:*** Diện tích nhiễm 12.554 ha (tăng 1.485 ha so với kỳ trước, tăng 5.403 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 528 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 4.627 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Quảng Nam, Bình Thuận, Phú Yên, Đà Nẵng, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Hậu Giang, Đồng Nai, Trà Vinh, Long An, Sóc Trăng …;

***1.9. Sâu năn (Muỗi hành):*** Diện tích nhiễm 280 ha (tăng 30 ha so với kỳ trước, tăng 280 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 280 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh Đồng Tháp.

**2. Cây ngô**

*Sâu keo mùa thu:* Diện tích nhiễm 401 ha (tăng 43 ha so với kỳ trước, giảm 196 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 05 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 202 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Phú Thọ, Nam Định, Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Phú Yên, Đà Nẵng…;

**3. Cây nhãn**

*Bệnh chổi rồng:* Diện tích nhiễm 235 ha (tương đương so với kỳ trước, giảm 153 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 11 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 38 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bình Phước, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre,.Hậu Giang...;

**4. Cây thanh long**

*Bệnh đốm nâu*: Diện tích nhiễm 1074 ha (tăng 33 ha so với kỳ trước, tăng 751 so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.786 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa -Vũng Tàu,…

**5. Cây dừa**

*- Bọ cánh cứng*: Diện tích nhiễm 5.295 ha (tăng 32 ha so với kỳ trước, giảm 972 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 46 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 284 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Phú Yên, Bình Thuận, Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang…;

*- Sâu đầu đen* (*Opisina arenosella* Walker): Diện tích nhiễm 508 ha (giảm 79 ha với kỳ trước, giảm 107 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 26 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 964 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Khánh Hòa, Bình Thuận, Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, Kiên Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng,…

**6. Cây ăn quả có múi**

- *Bệnh vàng lá thối rễ:* Diện tích nhiễm 413 ha (tăng 25 ha so với kỳ trước, giảm 427 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 06 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 367 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Yên Bái, Điện Biên, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bà Rịa Vũng Tàu,…;

*- Bệnh Greening*: Diện tích nhiễm 576 ha (tăng 33 ha so với kỳ trước, tăng 158 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 03 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 61 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Phước…;

**7. Cây sầu riêng**

*Bệnh xì mủ*: Diện tích nhiễm 2.952 ha (giảm 223 ha so với kỳ trước, giảm 1.031 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 107 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.876 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Khánh Hoà, Đắk Lắk, Đồng Nai, Tiền Giang, Bình Phước, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng…;

**8. Cây hồ tiêu**

*- Tuyến trùng*: Diện tích nhiễm 1.525 ha (tăng 06 ha so với kỳ trước, giảm 309 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 118 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 38 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Kiên Giang..;

*- Bệnh chết chậm*: Diện tích nhiễm 998 ha (giảm 20 ha so với kỳ trước, giảm 578 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 172 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 46 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Đắk Nông, Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Kiên Giang…;

*- Bệnh chết nhanh*: Diện tích nhiễm 195 ha (giảm 10 ha với kỳ trước, tăng 93 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 12 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Nông, Bình Phước, Kiên Giang, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu….

**9. Cây cà phê**

*- Bệnh khô cành*:Diện tích nhiễm 7.661 ha (tăng 105 ha so với kỳ trước, giảm 1.005 ha so CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 6.675 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

*- Bệnh gỉ sắt:*Diện tích nhiễm 5.876 ha (giảm 242 ha so với kỳ trước, giảm 1.249 ha so CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 9.670 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

**10. Cây chè**

*Bọ xít muỗi*: Diện tích nhiễm 3.359 ha (giảm 174 ha so với kỳ trước, tăng 73 ha so với CKNT); diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.861 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Nguyên, Lâm Đồng, Yên Bái, Hà Nội,…

**11. Cây sắn (khoai mì)**

*Bệnh khảm lá virus:* Diện tích nhiễm 46.033 ha (tăng 996 ha với kỳ trước, giảm 14.823 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 4.438 ha, đã mất trắng 03 ha tại Hà Tĩnh; diện tích đã phòng trừ môi giới truyền bệnh trong kỳ 216 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Nam, Gia Lai, Khánh Hoà, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Đắk Lắk ,Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu….

**12. Cây điều**

*- Bọ xít muỗi*: Diện tích nhiễm 8.481 ha (giảm 176 ha so với kỳ trước, tăng 2.624 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 42 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.503 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu;

*- Bệnh thán thư:* Diện tích nhiễm 7.336 ha (giảm 6 ha so với kỳ trước, tăng 1.687 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 61 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.224 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Thuận, Đồng Nai,….

**III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

**1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

***1.1. Trên cây lúa***

*a) Các tỉnh Bắc Bộ:*

*- Bệnh đạo ôn lá:* Bệnh tiếp tục hại tăng trên các giống nhiễm đặc biệt những ruộng xanh tốt, bón thừa đạm trong điều kiện thời tiết thuận lợi, đặc biệt là trên các diện tích lúa chưa được phòng trừ hoặc phòng trừ nhưng hiệu quả không cao;

*- Sâu cuốn lá nhỏ:* Sâu non tiếp tục gây hại diện hẹp trên trà lúa sớm – chính vụ, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình;

*- Rầy nâu – rầy lưng trắng:* Tiếp tục hại nhẹ, diện hẹp trên trà lúa sớm – chính vụ, giai đoạn đứng cái – làm đòng;

*- Sâu đục thân 2 chấm:* Sâu non tiếp tục gây hại dảnh héo diện hẹp trên trà lúa sớm- chính vụ giai đoạn đứng cái- làm đòng;

Ngoài ra, *Chuột, bọ xít đen, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn,*.... hại tăng, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình; *ruồi đục nõn, bệnh đốm nâu, bệnh đốm sọc vi khuẩn, lúa cỏ,*... tiếp tục hại.

*b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ:*

*- Bệnh đạo ôn lá:* tiếp tục phát sinh và gây hại tăng trên giống nhiễm, trà lúa Đông Xuân muộn tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh,....

*- Bệnh đạo ôn cổ bông:* Dự báo trong kỳ tới, bệnh có khả năng phát sinh gây hại trên trà lúa trỗ các tỉnh trong vùng khi gặp điều kiện thời tiết âm u, có mưa, độ ẩm cao, sương mù kéo dài... Đặc biệt trên những vùng đã nhiễm bệnh đạo ôn lá, vùng ổ dịch nhiễm bệnh hằng năm, gieo trồng giống nhiễm, bón thừa đạm;

*- Bệnh khô vằn:* tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên lúa Đông Xuân sớm – chính vụ, hại nặng trên những diện tích gieo cấy dày, bón thừa phân đạm;

*- Bệnh bạc lá, đốm vi khuẩn:* Tiếp tục phát sinh, gây hại tăng trên lúa trà sớm, chính vụ giai đoạn làm đòng – trỗ, gây hại nặng cục bộ trên trên những chân ruộng bón phân không cân đối (thừa đạm, thiếu kali) khi gặp điều kiện mưa rào, giông, gió lớn;

*- Rầy nâu:* phát sinh và gây hại tăng trên lúa Đông Xuân sớm, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình;

*- Chuột:* Tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên lúa trà sớm, chính vụ giai đoạn làm đòng – trỗ tại các tỉnh trong vùng, hại nặng cục bộ vùng gần gò bãi, mương máng, khu dân cư.

*c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên:*

*- Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh đen lép hạt thối hạt, bệnh khô vằn,...* tiếp tục phát sinh, phát triển và gây hại chủ yếu trên lúa giai đoạn Trỗ - Chín tại các tỉnh trong vùng; mức độ hại phổ biến nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

*- Bọ trĩ, ốc bươu vàng...* phát sinh gây hại phổ biến ở mức nhẹ- trung bình trên lúa Hè Thu sớm giai đoạn xuống giống – đẻ nhánh tại các tỉnh Bình Định, Bình Thuận, Khánh Hòa, Lâm Đồng,...

*- Chuột:* tiếp tục gây hại trên các trà lúa, đặc biệt gây hại giống gieo lúa Hè Thu sớm.

*d) Các tỉnh Nam bộ:*

Lúa Đông Xuân 2024 – 2025 tập trung chủ yếu giai đoạn chín – thu hoạch, các đối tượng sinh vật gây hại giảm.

*- Rầy nâu:* trên đồng ruộng, rầy chủ yếu tuổi 4-5, gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên giai đoạn đẻ nhánh – đòng trỗ, cục bộ có diện tích nhiễm nặng do rầy tích lũy quần thể từ đầu vụ.

*- Bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn, bệnh đen lép hạt:* Diện tích, mức độ hại có thể gia tăng do thời tiết có mưa, biên độ nhiệt giữa ngày và đêm chênh lệch thuận lợi cho bệnh phát sinh, phát triển và gây hại; cục bộ có diện tích nhiễm nặng trên các ruộng gieo sạ dày, bón thừa phân đạm, gieo trồng giống nhiễm.

Ngoài ra, cần chú ý: *Chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đòng- trỗ chín; *ốc bươu vàng* gây hại trên lúa Hè Thu mới xuống giống, đặc biệt ở những chân ruộng thấp, trũng, khó thoát nước.

***1.2. Trên cây trồng khác***

*a) Trên cây ngô*: *Sâu keo mùa thu, sâu ăn lá, bệnh đốm lá ,*...tiếp tục gây hại trên ngô giai đoạn phát triển thân lá- xoáy nõn, mức độ hại phổ biến từ nhẹ- trung bình, cục bộ hại nặng. *Sâu đục thân đục bắp, bệnh gỉ sắt, bệnh khô vằn*,...tiếp tục phát sinh gây hại trên ngô giai đoạn trỗ cờ - thâm râu.

*b) Cây sắn:* *Bệnh khảm lá virus* tiếp tục lây lan nhiễm bệnh tại các vùng trồng sắn trong cả nước, đặc biệt khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như *bọ phấn trắng, rệp sáp*,... .

*c) Trên cây rau, màu*: Các đối tượng sinh vật hại như *sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy, bệnh sương mai*,... tiếp tục gây hại nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng trên rau họ hoa thập tự. *Sâu đục lá cà chua Nam Mỹ, bệnh xoăn lá virus* cà chua*, bệnh sưng rễ* bắp cải,.. tiếp tục gây hại. *Sâu khoang, sâu xám, bệnh lở cổ rễ, bệnh héo xanh*,... tiếp tục hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lạc, đậu đỗ vụ Đông Xuân giai đoạn ra hoa – đâm tia.

*d) Trên cây ăn quả:*

*- Cây ăn quả có múi*: *Bệnh vàng lá thối rễ, bệnh Greening, sâu vẽ bùa, rệp, nhện đỏ,...* tiếp tục phát sinh và gây hại trên các vùng trồng cây có múi, gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

*- Cây nhãn, vải:* Sâu cuốn lá, sâu đo, bệnh thán thư tiếp tục hại tại các tỉnh phía Bắc; *Bệnh chổi rồng nhãn* tiếp tục hại chủ yếu trên cây nhãn tại các tỉnh phía Nam.

*- Cây sầu riêng:* Bệnh nứt thân xì mủ do Phytophthora sp., bệnh thán thư,…tiếp tục gây hại trên cây sầu riêng; Mọt đục cành, rệp sáp, rầy bông, bệnh thối rễ,…hại cục bộ.bệnh cháy lá, rệp sáp, rầy phấn, bọ trĩ... có khả năng gia tăng diện tích nhiễm.

*- Cây thanh long:* *Bệnh đốm nâu, rệp sáp, thán thư, ốc*,...tiếp tục gây hại trên các vườn thanh long.

*- Cây dừa:* *Bọ cánh cứng, sâu đầu đen, bọ vòi voi,*... tiếp tục phát sinh và gây hại tại các khu vực trồng dừa tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang, …

*e) Trên cây công nghiệp lâu năm:*

*- Cây cà phê:**Bọ xít muỗi* gây hại chủ yếu trên cây cà phê chè ở Lâm Đồng. *Rệp sáp, rệp vảy, mọt đục thân/cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt*,...tiếp tục gây hại trên cà phê giai đoạn ra hoa- quả non.

 *- Cây hồ tiêu:* *Bệnh chết chậm, bệnh chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp,*... gây hại cục bộ.

*- Cây điều:* *Bọ xít muỗi, bệnh thán thư ,*...tiếp tục phát sinh và gia tăng gây hại điều giai đoạn ra hoa - nuôi quả.

*- Cây cao su:* *Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh đốm lá, bệnh nấm hồng,*...tiếp tục gây hại nhẹ đến trung bình trên các vườn cao su.

*- Cây chè:* *Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh thối búp*... tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

**2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Chỉ đạo các tỉnh, thành phố thực hiện tốt công văn số 406/BVTV-TV ngày 28/2/2025 của Cục Bảo vệ thực vật về việc chủ động phòng chống sinh vật gây hại cây trồng. Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, theo dõi sát diễn biến tình hình sinh vật gây hại chính trong thời kỳ xung yếu trên các cây trồng chủ lực ở địa phương để chủ động các biện pháp phòng chống kịp thời nhằm bảo vệ tốt sản xuất vụ Đông xuân 2024-2025.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ: tăng cường công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, theo dõi chặt các đối tượng sinh vật gây hại trên lúa Đông Xuân 2024-2025 như rầy nâu-rầy lưng trắng, sâu đục thân 2 chấm, bệnh đạo ôn, chuột,… Lưu ý: Giám sát chặt chẽ diễn biến phát sinh và gây hại của bệnh đạo ôn, nhất là trong điều kiện thời tiết thuận lợi và trên các giống nhiễm; tiến hành phòng chống kịp thời tại những khu vực có tỷ lệ bệnh hại cao để hạn chế lây lan.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến SVGH chính trên lúa Đông Xuân 2024 - 2025 và tiến độ xuống giống lúa Hè Thu 2025 trên đồng để chủ động các biện pháp phòng, chống và tránh để lây lan trên diện rộng. Tiếp tục tuyên truyền, vận động nông dân diệt chuột và thu lượm ốc bươu vàng liên tục bằng nhiều biện pháp.

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình và chủ động biện pháp phòng, chống các đối tượng SVGH chính như: *bệnh chết chậm* hại trên cây hồ tiêu; *rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt,*.. hại trên cây cà phê; *bọ xít muỗi* và *bệnh thán thư* hại trên cây điều; *bệnh nứt, thân xì mủ* trên cây sầu riêng, *bệnh đốm nâu* hại thanh long.

- Chỉ đạo các Trung tâm BVTV vùng, các tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công văn số 106/BVTV-TV ngày 19/01/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc thực hiện các quy định về điều tra phát hiện SVGH cây trồng và công văn số 944/BVTV-TV ngày 01/6/2020 của Cục BVTV về báo cáo định kỳ.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Chỉ đạo các tỉnh tiếp tục điều tra, phát hiện và chủ động biện pháp phòng chống sinh vật gây hại trên cây lâm nghiệp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Lãnh đạo Cục TT&BVTV (để b/c);- Phòng KH-TC, HTQT (đưa website Cục);- Trung tâm TT& BVTV vùng;- Báo NNVN; - Lưu: VT, TTBVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG****PHÓ CỤC TRƯỞNG** **Nguyễn Quý Dương** |

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

| **Stt** | **Tên SVGH** | **DTN(ha)** | **DTN so với (ha)** | **Phòng trừ (ha)** | **Phân bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Tổng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| **I** | **Cây Lúa** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đạo ôn lá | 6.093 | 78 | 0 | 6.171 | 8 | -1.895 | 7.098 | ĐB, PT, H.Nội, ThH, NA, HT, QB, QTr, TTH, Q.Ngãi, B.Thuận, L.Đồng, Q.Nam, G.Lai, P.Yên, Đ.Lắk, VL, CT, ĐN, TG, ĐT, HG |
| 2 | Đạo ôn cổ bông | 1.311 | 2 | 0 | 1.313 | -5.760 | -1.701 | 639 | K.Hòa, G.Lai, Q.Ngãi, P.Yên, B.Định, ST, LA, BL, TV, ĐN, BT |
| 3 | Rầy hại lúa | 1.702 | 22 | 0 | 1.725 | -1.532 | -2.587 | 753 | QB, B.Thuận, K.Hòa, Q.Ngãi, P.Yên, G.Lai, B.Định, Q.Nam, Đ.Lắk, Đ.Nẵng, TG, TV, ĐT, ST, ĐN, VT |
| 4 | Sâu đục thân 2 chấm | 1.193 | 2 | 0 | 1.195 | -227 | 758 | 631 | VP, YB, NA, K.Hòa, G.Lai, KG, HG, ĐT, ST, VT, LA |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ | 936 | 0 | 0 | 936 | -42 | -1.789 | 244 | QB, G.Lai, L.Đồng, Q.Ngãi, TG, VL, ST, ĐT, HG, ĐN |
| 6 | Bệnh bạc lá | 3.581 | 4 | 0 | 3.585 | -1.269 | 1.992 | 1.132 | ĐB, L.Cai, TN, TH, NA, QB, QTr, BL, LA, ST, TV, ĐN, VT |
| 7 | Bệnh đen lép hạt | 4.400 | 82 | 0 | 4.482 | -5.537 | -1.060 | 3.933 | TT Huế, Q.Ngãi, K.Hòa, B.Thuận, Q.Nam, N.Thuận, L.Đồng, G.Lai, B.Định, P.Yên, BL, ĐT, ST, TV, ĐN |
| 8 | Chuột hại lúa | 12.026 | 528 | 0 | 12.554 | 1.485 | 5.403 | 4.627 | ĐB, VP, PT, ThH, NA, HT, QB, QTr, TTH, Q.Ngãi, K.Hòa, Q.Nam, B.Thuận, P.Yên, Đ.Nẵng, Đ.Lắk, G.Lai, ĐT, HG, AG, ĐN, BL, ST |
| 9 | Ốc bươu vàng  | 6.852 | 3 | 0 | 6.855 | 1.536 | 1.202 | 1.179 | ĐB, YB, SL, VL, HG, ĐT, ĐN, AG, LA |
| 10 | Bệnh khô vằn | 6.176 | 246 | 0 | 6.422 | 2.859 | -1.712 | 1.944 | ĐB, H.Nội, ThH, NA, HT, QB, QTr, TTH, Q.Ngãi, Q.Nam, K.Hòa, L.Đồng, Đ.Nẵng, B.Định, P.Yên, G.Lai, Đ.Lắk |
| 11 | Muỗi hành  | 280 | 0 | 0 | 280 | 30 | 280 | 280 | ĐT |
| 12 | Bọ trĩ | 635 | 0 | 0 | 635 | 192 | 94 | 579 | KG, ĐN, HG, TG, AG, ĐT |
| **II** | **Cây trồng khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Chổi rồng nhãn | 224 | 11 | 0 | 235 | 0 | -153 | 38 | BP, VL, ST, TV, TG, BT, HG |
| 2 | Bệnh vàng lá thối rễ cây có múi | 407 | 6 | 0 | 413 | 25 | -427 | 367 | TQ, HB, YB, HG, ST, TG, VL, TV, BRVT |
| 3 | Bệnh Greening | 573 | 3 | 0 | 576 | 33 | 158 | 61 | VL, HG, ST, TV, BP |
| 4 | Đốm nâu thanh long | 1.074 | 0 | 0 | 1.074 | 33 | 751 | 2.786 | B.Thuận, LA, TG, TV, BRVT |
| 5 | Bọ cánh cứng hại dừa | 5.249 | 46 | 0 | 5.295 | 32 | -972 | 284 | P.Yên, BT, ST, CM, TG, KG, TV, VL, BL, HG |
| 6 | Sâu đầu đen hại dừa  | 403 | 26 | 0 | 430 | -79 | -107 | 964 | K.Hòa, P.Yên, BT, TG, TV, KG, VL, ST |
| 7 | Bệnh xì mủ hại sầu riêng | 2.828 | 107 | 0 | 2.935 | -17 | -1.074 | 2.967 | L.Đồng, K.Hòa, Đ.Lắk, ĐN, TG, BP, VL, HG, ST |
| 8 | Tuyến trùng hại tiêu | 1.407 | 118 | 0 | 1.525 | 6 | -309 | 38 | QTr, G.Lai, ĐN, BP, BD, KG |
| 9 | Chết chậm hại tiêu | 826 | 172 | 0 | 998 | -20 | -578 | 46 | QB, QT, G.Lai, Đ.Lắk, ĐN, BP, BRVT, BD, KG |
| 10 | Chết nhanh hại tiêu | 195 | 0 | 0 | 195 | -10 | 93 | 12 | QTr, G.Lai, ĐN, BP, KG, BRVT |
| 11 | Bệnh khô cành cà phê | 7.661 | 0 | 0 | 7.661 | 105 | -1.005 | 6.675 | Điện Biên, QTr, L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, ĐN, BP |
| 12 | Gỉ sắt cà phê  | 5.876 | 0 | 0 | 5.876 | -242 | -1.249 | 9.670 | ĐB, SL, QTr, L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, ĐN, BP |
| 13 | Bọ xít muỗi hại điều | 8.439 | 42 | 0 | 8.481 | -176 | 2.624 | 3.503 | L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, B.Thuận, K.Hòa, BP, ĐN, BRVT |
| 14 | Bệnh thán thư hại điều | 7.275 | 61 | 0 | 7.336 | -6 | 1.687 | 3.224 | L.Đồng, G.Lai, Đ.Lắk, B.Thuận, BP, ĐN |
| 15 | Bọ xít muỗi hại chè | 3.359 | 0 | 0 | 3.359 | -174 | 73 | 2.861 | TN, H.Nội, YB, L.Đồng |
| 16 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 41.593 | 4.438 | 3 | 46.033 | 996 | -14.823 | 216 | NA, HT, QB, QTr, TTH, P.Yên, Q.Nam, Q.Ngãi, G.Lai, K.Hòa, B.Thuận, Đ.Lắk, TN, ĐN, BRVT, BD, BP, LA, …. |
| 17 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 396 | 5 | 0 | 401 | 43 | -196 | 202 | PT, TQ, YB, TH, NA, HT, QB, L.Đồng, Q.Ngãi, P.Yên, ĐN |